

Bản án số: 40/2019/DS-PT

Ngày: 12/11/2019

V/v: “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lâm Vương Mỹ Linh**
- Các Thẩm phán: **Ông Võ Đình Phương**
Ông Nguyễn Tuấn Long
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phùng Tấn Đạt** – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trương Việt Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2019/TLPT-DS ngày 08/5/2019 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2019/QĐXX-PT ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đức K** - sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường NH, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

** Bị đơn:* **Văn phòng công chứng Đ**

Địa chỉ: 28 Nguyễn Huệ, phường NH, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Trưởng Văn phòng. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trương Đức Đ – Sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường NH, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Trương Hoàng P – Sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường NH, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

3/ Bà Võ Thị K – Sinh năm 1975

4/ Ông Phạm Ngọc H – Sinh năm 1975

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường NH, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bà K có mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa.

5/ Ông Nguyễn Thanh H1 – Sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường NH, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

6/ Ông Nguyễn Ngọc D – Sinh năm 1968

Địa chỉ: 14/6B đường L, thành phố Đ, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa.

7/ Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh N

Địa chỉ: Số 278 NK, phường 8, Quận A, thành phố H. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Nguyễn Văn A – Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức K trình bày:

Ông và bà Trương Hoàng P khi còn là vợ chồng có mua xe ô tô 29 chỗ biển số 79B-X của vợ chồng ông Phạm Ngọc H và bà Võ Thị K với số tiền 638.000.000 đồng, ông và bà P đã đưa trước cho ông H, bà K 400.000.000 đồng, còn nợ lại 238.000.000 đồng, hai bên chưa sang tên giấy tờ xe nhưng có viết tờ nhận tiền ngày 29/02/2012. Ông và bà P đã thỏa thuận với vợ chồng ông H và bà K đứng tên để thế chấp chiếc xe ô tô nói trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S vay số tiền 250.000.000 đồng để trả số tiền còn lại cho vợ chồng ông H bà K và hàng tháng ông cùng bà P phải trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã cam kết. Vợ chồng ông đã trả lãi được 8 tháng cho Ngân hàng từ ngày 06/4/2012 đến ngày 06/11/2012.

Ngày 28/11/2012 bà K và ông Trương Đức Đ có sự chứng kiến của bà P đã lập “Văn bản thỏa thuận” về việc ông Đ đưa tiền cho bà K trả nợ trước thời hạn số nợ vay còn lại của Ngân hàng và được nhận giấy đăng ký xe ô tô biển số 79B-X, văn bản thỏa thuận này được công chứng bởi ông Nguyễn Văn T là công chứng viên của Văn phòng Công chứng Đ. Sau khi giấy tờ xe ô tô được lấy ra từ Ngân hàng thì ông đến gặp Văn phòng Công chứng Đ và bà K để yêu cầu trả lại giấy tờ xe cho ông nhưng bà K và Văn phòng Công chứng Đ không trả và nói với ông là đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc công chứng Văn bản thỏa thuận ngày 28/11/2012 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận ngày 28/11/2012 của Văn phòng Công chứng Đ là vô hiệu.

Bị đơn – Văn phòng Công chứng Đ trình bày:

Vào thời điểm xác lập văn bản thỏa thuận ông K không phải là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô 79B-X nên không hề xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông K vì xe vẫn thuộc sở hữu của ông H, bà K do giấy mua bán xe ô tô bằng giấy tay vẫn chưa sang tên và ông H, bà K dùng giấy tờ xe tên mình để thế chấp ngân hàng. Về hình thức văn bản được lập đúng ý chí của bà Võ Thị K và ông Trương Đức Đ và chữ ký của hai người là đúng, ngoài ra còn có bà Trương Hoàng P là người làm chứng cùng ký tên vào văn bản. Về nội dung văn bản không trái pháp luật và đạo

đức xã hội, giao dịch là tự nguyện không bị lừa dối hay ép buộc, cũng không xâm phạm đến quyền lợi của ai kể cả ông K mà còn giúp bà K không phải trả khoản tiền lãi và lãi suất bị phạt mà cuối cùng ông K, bà P cũng phải trả cho bà K. Tuy xe ô tô chưa đứng tên nhưng ông K vẫn đang sử dụng và phải có nghĩa vụ giao tiền cho bà K như thỏa thuận nhưng ông K không thực hiện nghĩa vụ giao tiền mà đẩy bà K vào nguy cơ vỡ nợ do chậm thanh toán nên bà K phải có quyền dùng biện pháp tự bảo vệ mình mà không gây thiệt hại cho bên thứ ba. Vì vậy khi bà K ký văn bản thỏa thuận nhằm chuyển giao quyền cho người khác thì không cần sự đồng ý của người có nghĩa vụ tức là ông K bà P theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngoài ra còn có ý kiến về việc đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trương Đức Đ trình bày:*

Ngày 28/11/2012 ông có cho bà K vay số tiền 173.488.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng lấy giấy tờ xe ô tô biển số 79B-X mà trước đây ông H và bà K đã thế chấp để vay tiền giùm cho ông K và bà P. Việc cho vay tiền này giữa ông và bà K có làm Văn bản thỏa thuận về việc trả nợ ngân hàng để lấy giấy đăng ký xe ô tô ngày 28/11/2012 tại Văn phòng Công chứng Đ. Đây là giao dịch dân sự giữa ông và bà K theo đúng quy định của pháp luật, khi ông cho bà K vay tiền thì bà K có đưa giấy tờ xe cho ông giữ để làm tài sản bảo đảm cho việc vay. Do đó, hiện nay ông đang giữ giấy tờ xe ô tô biển số 79B-X. Khi cho vay hai bên thỏa thuận khi nào bà K trả cho ông số tiền 173.488.000 đồng thì ông sẽ trả lại giấy tờ xe. Nay ông K yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng công chứng giữa ông và bà K vô hiệu, ông không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Hoàng P trình bày:*

Năm 2012, bà và ông K đang là vợ chồng với nhau, có mua xe ô tô của vợ chồng ông H bà K với số tiền 638.000.000 đồng, vợ chồng bà đưa cho ông H bà K trước 400.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu vợ chồng bà nhờ ông H bà K thế chấp giấy tờ xe vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 250.000.000 đồng để trả tiền cho ông H bà K, thời hạn vay là 24 tháng, vợ chồng bà đã trả được 8 tháng, sau thời gian đó thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Trong quá trình trả nợ cho Ngân hàng, bà và ông K đã không trả được lãi đúng thời hạn cho ngân hàng làm ảnh hưởng đến uy tín của ông H và bà K nên bà có nhờ ông Trương Đức Đ là ba của bà cho bà K vay số tiền 173.488.000 đồng để trả ngân hàng lấy giấy tờ xe ra. Sau khi trả được nợ cho ngân hàng, bà K đã đưa giấy tờ xe cho ông Đ giữ để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà K và ông Đ. Văn bản thỏa thuận được lập tại Văn phòng công chứng Đ thể hiện việc bà K vay tiền ông Đ để lấy giấy tờ xe, việc này là giao dịch dân sự đúng quy định của pháp luật nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Võ Thị K trình bày:*

Vợ chồng bà có chiếc xe ô tô biển số 79B-X bán cho ông K bà P với số tiền là 638.000.000 đồng. Vợ chồng ông K bà P đã đưa cho vợ chồng bà 400.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 238.000.000 đồng thì vợ chồng ông K bà P không đủ tiền trả nên nhờ vợ chồng bà đứng vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 250.000.000 đồng để lấy số tiền đó trả số tiền xe còn thiếu cho vợ chồng bà. Ông K và bà P có

trách nhiệm trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng. Vài tháng sau, vợ chồng ông K bà P xảy ra mâu thuẫn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, lúc đó ông K giữ xe, còn bà P nói với ông Đ (cha đẻ của bà P) đưa số tiền 173.488.000 đồng còn nợ ngân hàng cho bà đem trả để rút giấy đăng ký xe ô tô ra và cha con ông Đ giữ giấy tờ xe đó. Ông Đ có nói bà đến Văn phòng công chứng để công chứng xác nhận cho ông việc ông đã đưa tiền cho bà để lấy giấy tờ xe ra, khi nào vợ chồng ông K và bà P giải quyết chiếc xe trả lại tiền cho ông Đ thì ông Đ sẽ đưa giấy tờ xe. Từ đó đến nay, vợ chồng bà có nói với vợ chồng ông K và bà P làm giấy tờ bán xe để làm thủ tục sang tên xe cho ông K và bà P nhưng ông K và bà P giằng co mãi không chịu làm hợp đồng mua bán để sang tên. Hiện tại vợ chồng bà vẫn đứng tên trên giấy đăng ký xe. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu bà không đồng ý. Đối với số tiền 173.488.000 đồng ông Đ đã đưa cho bà để trả ngân hàng thì ông K và bà P phải có trách nhiệm trả lại cho ông Đ hoặc trả cho bà để bà trả lại cho ông Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Ngọc H trình bày:*

Năm 2012, vợ chồng ông có bán chiếc xe ô tô biển số 79B-X cho vợ chồng ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P với số tiền 638.000.000 đồng. Vợ chồng ông K và bà P đã đưa trước cho vợ chồng ông 400.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 238.000.000 đồng thì vợ chồng ông K bà P không đủ tiền trả nên nhờ vợ chồng ông đứng tên vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 250.000.000 đồng để lấy tiền đó trả số tiền xe còn thiếu cho vợ chồng ông, ông K và bà P có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng. Đến nay vợ chồng ông đã nhận đủ tiền bán xe từ ông K bà P. Việc bà K lập văn bản thỏa thuận với ông Đ, bà P tại Văn phòng công chứng Đ và việc trả tiền cho ngân hàng để lấy giấy tờ đăng ký xe trong ngân hàng ra thì ông không biết. Sau đó, ông có nghe vợ ông – bà K nói lại đã lấy giấy tờ xe từ ngân hàng ra và ông Đ đang giữ giấy tờ đó. Do đó ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Vào năm 2012, ông và ông Nguyễn Đức K có làm bản hợp đồng hùn tiền mua xe ô tô biển số 79B-X với giá tiền là 650.000.000 đồng. Ông và ông K thỏa thuận ông K hùn 200.000.000 đồng, ông hùn 200.000.000 đồng, phần còn lại hai bên vay ngân hàng để trả. Tuy nhiên do làm ăn không thuận lợi và vợ chồng ông K ly hôn nên xe không hoạt động được nữa. Do đó, ông yêu cầu ông K hoàn lại tiền vốn 200.000.000 đồng cho ông. Đến nay ông K đã trả cho ông được 90.000.000 đồng, số tiền còn lại 110.000.000 đồng còn thiếu ông yêu cầu ông K bà P phải trả lại cho ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N đã tuyên xử: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35. Điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ Điều 9, Điều 45 của Luật Công chứng 2006; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức K, tuyên bố Văn bản thỏa thuận được Văn phòng công chứng Đ công chứng vào ngày 28/11/2012, số 2173/DSK-

quyển số 05/TP/CC-SCC vô hiệu. Ông Trương Đức Đ phải trả lại Giấy đăng ký xe ô tô mang biển kiểm soát 79B-00270 cho bà Võ Thị K, bà K phải trả lại cho ông Đ số tiền 173.488.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quy định chung và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/4/2019, bị đơn – Văn phòng công chứng Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn – Văn phòng công chứng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và giải quyết vụ án không đúng quy định pháp luật, từ đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Việc Văn phòng công chứng Đ công chứng văn bản thỏa thuận ngày 28/11/2012 mà không có mặt ông Phạm Ngọc H – người đứng tên trên giấy tờ xe và ông Nguyễn Đức K – người trực tiếp sử dụng chiếc xe để kinh doanh vận tải là đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi không đưa ông Nguyễn Văn T – công chứng viên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, điều này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của bị đơn – Văn phòng công chứng Đ tuân thủ đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo là ông

Phạm Ngọc H, đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh N nhiều lần nhưng các đương sự nói trên vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xem xét về quá trình tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Đức K khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận được công chứng ngày 28/11/2012 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xác định bị đơn của vụ án “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” là Văn phòng công chứng Đ, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ông Nguyễn Văn T – công chứng viên trực tiếp công chứng Văn bản thỏa thuận nói trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã triệu tập ông Nguyễn Văn T với tư cách là công chứng viên đến phiên tòa phúc thẩm để làm rõ yêu cầu của ông T có đồng ý tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm hay không, tuy nhiên ông T vắng mặt, đồng thời, trong đơn bổ sung yêu cầu kháng cáo, Văn phòng công chứng Đ cũng đã xác định không đồng ý với việc triệu tập thiếu người tham gia tố tụng nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy, việc cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn T – công chứng viên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

Bản án sơ thẩm xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - chi nhánh N do ông Ngô Văn N là Phó Giám đốc Chi nhánh làm người đại diện theo ủy quyền. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, chi nhánh Ngân hàng không có tư cách pháp nhân nên trong trường hợp này cần xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Mặt khác, cấp sơ thẩm xác định ông Ngô Văn N là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, văn bản về việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho ông Ngô Văn N. Việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng có thể làm ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của các thông tin, lời khai của đương sự trong vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để xác minh thời điểm khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức K. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (là các điều khoản quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai và bất động sản) để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là không đúng với quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì những lý do nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã N giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về án phí*: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Văn phòng công chứng Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã N giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. *Về án phí:* Bị đơn – Văn phòng công chứng Đ không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006431 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thị xã N
- VKSND thị xã N
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- THADS thị xã N
- Các đương sự
- L- u hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Vương Mỹ Linh